

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:1939 /QĐ-TĐHHN, ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	1
1.3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh	1
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	2
2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	2
2.2. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp	4
2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	5
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
3.1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo	6
3.2. Khung chương trình đào tạo.....	6
3.3. Kế hoạch học tập phân bố theo học kỳ.....	6
3.4. Phương pháp giảng dạy	8
3.5. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	9
3.6. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ	9
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu	9
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình	9



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - Tiếng Anh: Master of Business Administration
- Mã số ngành đào tạo: 8340101
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Thời gian đào tạo: 1.5 năm (18 tháng)
- Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60 tín chỉ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - Tiếng Anh: Master of Business Administration
- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo: Khoa Kinh tế
- Thời gian rà soát, điều chỉnh chương trình gần nhất: Xây dựng mới năm 2025
- Áp dụng từ năm và khóa tuyển sinh: Năm 2025, khóa CH11
- Thông tin kiểm định chất lượng chương trình đào tạo:

1.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh giúp người học có kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học; kỹ năng phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; kỹ năng hợp tác và lãnh đạo nhóm; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Giúp người học có điều kiện trở thành các nhà quản trị chuyên nghiệp trong tổ chức/doanh nghiệp. Đồng thời, người học có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ bậc cao hơn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Áp dụng thành thạo các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PO2. Vận dụng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học, tiên tiến; phát triển kỹ năng nghiên cứu, chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PO3. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân.

PO4. Nâng cao khả năng độc lập, tự chủ, chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh. Tổ chức hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị.

1.3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh

1.3.1 Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Đáp ứng các điều kiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh thạc sĩ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.3.2 Phương thức tuyển sinh

Theo thông tin tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1. Chuẩn đầu ra về kiến thức			
PLO1		Vận dụng được lý luận triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học, kiến thức nâng cao và toàn diện về kinh tế và quản trị kinh doanh hiện đại trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	3/6
	PI1.1	Vận dụng được thể giới quan và phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy logic trong nhận thức và thực tiễn của lĩnh vực quản trị kinh doanh	20%
	PI1.2	Vận dụng được kiến thức trong phương pháp nghiên cứu khoa học, hệ thống các công cụ và kỹ thuật nghiên cứu đặc trưng của lĩnh vực quản trị kinh doanh	40%
	PI1.3	Vận dụng kiến thức nâng cao, toàn diện về kinh tế và quản trị kinh doanh hiện đại trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	40%
PLO2		Hệ thống hóa được các kiến thức chung về kinh doanh và quản trị trong phân tích và giải quyết các vấn đề trong hoạt động quản trị của doanh nghiệp một cách sáng tạo.	4/6
	PI2.1	Hệ thống hóa các kiến thức chung về hoạch định, tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra các hoạt động quản trị của doanh nghiệp một cách sáng tạo.	50%
	PI2.2	Hệ thống hóa kiến thức để giải quyết các vấn đề về hoạch định, tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra các hoạt động quản trị của doanh nghiệp một cách sáng tạo.	50%
PLO3		Phân tích, tổng hợp, đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học và tiên tiến trong lĩnh vực quản trị kinh	4/6

Ký hiệu CDR	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		doanh.	
	PI3.1	Phân tích, tổng hợp, đánh giá được dữ liệu và thông tin trong các vấn đề về kinh tế và quản trị một cách khoa học của lĩnh vực quản trị kinh doanh.	50%
	PI3.2	Phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề về kinh tế và quản trị đưa ra giải pháp xử lý một cách khoa học và tiên tiến trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	50%
PLO4		Tổng hợp được kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến về quản trị kinh doanh.	5/6
	PI4.1	Tổng hợp được kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến về quản trị kinh doanh để xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh một cách phù hợp và đúng đắn.	50%
	PI4.2	Tổng hợp được kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến về mô hình kinh doanh, tài chính, nhân sự, quản trị rủi ro để đưa ra các quyết định đúng đắn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	50%
2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng			
PLO5		Kết hợp thành thạo các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá để đưa ra các giải pháp xử lý có tính khoa học.	4/5
	PI5.1	Phát triển các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về kinh doanh và quản lý để đưa ra các giải pháp xử lý có tính khoa học.	40%
	PI5.2	Phát triển thành thạo các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với những vấn đề về quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao và toàn cầu hóa để đưa ra các giải pháp xử lý có tính khoa học.	60%
PLO6		Kết hợp các kỹ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nhà quản trị chuyên nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị.	4/5
	PI6.1	Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm và sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	40%
	PI6.2	Kết hợp các kỹ năng ra quyết định, phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nhà quản trị chuyên nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị.	60%
PLO7		Thực hiện thành thạo kỹ năng nghề nghiệp và sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ hiện đại vào giải quyết các vấn đề liên quan tới quản trị kinh doanh trong thực tiễn.	4/5
	PI7.1	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp vào kinh doanh và việc quản lý các lĩnh vực quản trị kinh doanh.	40%
	PI7.2	Thực hiện sử dụng thành thạo các kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ hiện đại vào giải quyết các vấn đề liên quan tới quản trị	60%

Ký hiệu CDR	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		kinh doanh trong thực tiễn.	
PLO8		Kết hợp kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự định hướng, dẫn dắt, thích nghi với môi trường làm việc để đưa ra các biện pháp quản lý, đánh giá, cải tiến trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	4/5
	PI8.1	Kết hợp kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự định hướng, dẫn dắt, thích nghi với môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	50%
	PI8.2	Phát triển các biện pháp quản lý, đánh giá, cải tiến trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	50%
3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
PLO9		Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, xây dựng phẩm chất một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn kinh doanh, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc.	3/5
	PI9.1	Thực hiện theo các quy định của pháp luật và nội quy của tổ chức.	60%
	PI9.2	Có phẩm chất một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn kinh doanh, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc.	40%
PLO10		Thích nghi với môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao, môi trường hội nhập và toàn cầu hóa, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và hướng dẫn người khác, chủ động học tập suốt đời và có động cơ khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị.	4/5
	PI10.1	Nhận diện được năng lực cá nhân trong môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao, môi trường hội nhập và toàn cầu hóa.	35%
	PI10.2	Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc.	35%
	PI10.3	Tổ chức hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị	30%

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5).

2.2. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

2.2.1. Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt

- Nhà quản trị các cấp, cố vấn kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau;
- Giảng viên, nghiên cứu viên về quản trị kinh doanh ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.
- Tự khởi sự kinh doanh

2.2.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp

- Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các loại hình sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài...;
- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai về quản trị kinh doanh.
- Các loại hình cơ sở đào tạo

2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, học viên cao học sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở trình độ Tiến sĩ nếu đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
I	Kiến thức chung	7	7	0
II	Kiến thức cơ sở ngành và ngành	44	29	15
2.1	Bắt buộc	29	29	0
2.2	Tự chọn	15	0	15
III	Đề án tốt nghiệp	9	9	0
	Tổng	60	45	15

3.2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
1	LCML202	Triết học	4	60	00	120	
2	NNTA203	Tiếng Anh	3	45	00	90	
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ NGÀNH						
2.1	Kiến thức cơ sở ngành						
2.1.1	Bắt buộc (14 tín chỉ)						
3	KTKS201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	30	30	90	
4	KTKD201	Quản trị chiến lược nâng cao	3	45	00	90	
5	KTKD202	Quản trị điều hành nâng cao	3	45	00	90	
6	KTKD203	Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược	3	45	00	90	
7	KTKD205	Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề	2	30	00	60	
2.1.2	Tự chọn (9/18 tín chỉ)						
8	KTKE201	Kế toán cho nhà quản lý	3	45	00	90	
9	KTKD204	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3	45	00	90	
10	KTKT201	Tài chính cho nhà quản trị	3	45	00	90	
11	KTKD206	Mô hình kinh doanh điện tử	3	45	00	90	
12	KTKD207	Kinh doanh điện tử	3	45	00	90	
13	KTLQ201	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	00	90	
2.2	Kiến thức ngành						
2.2.1	Bắt buộc (15 tín chỉ)						
14	KTKD208	Quản trị chất lượng nâng cao	3	45	00	90	
15	KTMK201	Quản trị Marketing nâng cao	3	45	00	90	
16	KTKS202	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
17	KTKD210	Chuyên đề: Chẩn đoán doanh nghiệp	3	30	30	90	
18	KTKD211	Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn	3	30	30	90	
2.2.2	Tự chọn (6/18 tín chỉ)						
19	KTKD212	Triển khai chiến lược chuyên sâu	3	30	30	90	
20	KTKD213	Quản trị sáng tạo và đổi mới	3	45	00	90	
21	KTKD214	Quản trị khởi nghiệp	3	45	00	90	
22	KTKD215	Khoa học lãnh đạo	3	45	00	90	
23	KTKD216	Văn hóa tổ chức	3	45	00	90	
24	KTKD217	Chiến lược trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	45	00	90	
2.3	Đề án tốt nghiệp						
25	KTKD218	Đề án tốt nghiệp	9	00	270	270	
	TỔNG		60	690	420	1800	

3.3. Kế hoạch học tập phân bố theo học kỳ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ		
				Năm thứ 1		Năm thứ 2
				HK1	HK2	HK3
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG					
1	LCML202	Triết học	4	4	-	-
2	NNTA203	Tiếng Anh	3	3	-	-
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ NGÀNH					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành					
2.1.1	Bắt buộc (14 tín chỉ)					
3	KTKS201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	-	-	3
4	KTKD201	Quản trị chiến lược nâng cao	3	3	-	-
5	KTKD202	Quản trị điều hành nâng cao	3	3	-	-
6	KTKD203	Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược	3	-	3	-
7	KTKD205	Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề	2	2	-	-
2.1.2	Tự chọn (9/18 tín chỉ)					
8	KTKE201	Kế toán cho nhà quản lý	3	3	-	-
9	KTKD204	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3	-	3	-
10	KTKT201	Tài chính cho nhà quản trị	3	-	3	-
11	KTKD206	Mô hình kinh doanh điện tử	3	3	-	-

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ		
				Năm thứ 1		Năm thứ 2
				HK1	HK2	HK3
12	KTKD207	Kinh doanh điện tử	3	3	-	-
13	KTLQ201	Quản trị chuỗi cung ứng	3	-	3	-
2.2	Kiến thức ngành					
2.2.1	Bắt buộc (15 tín chỉ)					
14	KTKD208	Quản trị chất lượng nâng cao	3	-	3	-
15	KTMK201	Quản trị Marketing nâng cao	3	-	3	-
16	KTKS202	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	3	-	-
17	KTKD210	Chuyên đề: Chẩn đoán doanh nghiệp	3	-	3	-
18	KTKD211	Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn	3	-	-	3
2.2.2	Tự chọn (6/18 tín chỉ)					
19	KTKD212	Triển khai chiến lược chuyên sâu	3	-	-	3
20	KTKD213	Quản trị sáng tạo và đổi mới	3	-	3	-
21	KTKD214	Quản trị khởi nghiệp	3	-	3	-
22	KTKD215	Khoa học lãnh đạo	3	-	-	3
23	KTKD216	Văn hóa tổ chức	3	-	-	3
24	KTKD217	Chiến lược Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	-	3	-
2.3	Kiến thức đề án tốt nghiệp					
25	KTKD218	Đề án tốt nghiệp	9	-	-	9
TỔNG			60	21	21	18

3.4. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy trong chương trình đào tạo được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo nhằm thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần và cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy từng học phần được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết, bao gồm chủ yếu các phương pháp sau:

- Thuyết trình, giảng dạy tích hợp;
- Thực hành, thực tập;
- Học tập thông qua các phương thức mô phỏng thực tế nghề nghiệp như bài tập tình huống, dự án hoặc các phương thức khác;
- Học tập hợp tác thông qua dự án hay bài tập làm việc theo nhóm;
- Học tập thông qua giải quyết vấn đề, trong đó nhấn mạnh đến việc thu thập, đánh giá thông tin, đề xuất giải pháp và trình bày kết quả;

- f) Học tập thông qua cách tích hợp học tập trong các hoạt động khác nhau để trang bị cho người học năng lực tự học;
- g) Áp dụng các phương thức học tập ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, có thể kết hợp giảng dạy, đánh giá trực tiếp và trực tuyến.

3.5. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 30% điểm đánh giá quá trình và 70% điểm thi kết thúc học phần;

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà, Bài tập thảo luận nhóm; Bài kiểm tra điều kiện...

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần: Bài tự luận; Viết báo cáo; Trắc nghiệm; Vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần, đề án dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ chính xác và công bằng, đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và chương trình đào tạo.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo hiện hành

3.6. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Số lượng, trình độ, tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Luật Giáo dục đại học, quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Hệ thống cơ sở vật chất hiện tại bao gồm cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu của Trường. Những nội dung này được thể hiện chi tiết trong đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, thông tin tuyển sinh thạc sĩ hàng năm, trong báo cáo Ba công khai của Trường... được thường xuyên cập nhật trong báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu,

trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

- Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.